



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001487

Tên học phần: **Tín hiệu, hệ thống và phân giải mạch**

Mã học phần: **ETC10002**

Lớp: **21DTV1**

Ngày thi: **25/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phần		
51	20200400	Nguyễn Anh	Tuấn				0	5		không	
52	20200407	Trần Huỳnh	Tuấn				1	0		Một không	
53	20200419	Nguyễn Duy	Vinh				0	0		không không	
54	21200006	Hoàng Đức	Duy				0	0		không không	
55	21200009	Nguyễn Xuân	Hoàng				2	0		Hai không	
56	21200014	Nguyễn Hoàng	Nguyên				2	0		Hai không	
57	21200023	Nguyễn Lê	Vũ				0	8		không tám	
58	21200024	Lê Quốc	An				1	0		Một không	
59	21200026	Nguyễn Trường	An				2	0		Hai không	
60	21200027	Hà Quốc	Anh				1	0		Một không	
61	21200028	Lê Nguyễn Tuấn	Anh								
62	21200034	Trần Nguyễn Hoàng Minh	Anh				0	0		không không	
63	21200036	Võ Lê Đức	Anh				0	0		không không	
64	21200037	Đặng Hoàng Nguyên	Bảo				0	0		không không	
65	21200038	Lý Hoàng	Bảo				0	3		không ba	
66	21200041	Trần Nguyễn Thiên	Bảo				1	5		Một năm	
67	21200047	Đinh Đức	Chung				1	0		Một không	
68	21200055	Nguyễn Trần Anh	Đạt				1	8		Một tám	
69	21200064	Nguyễn Trung	Dũng				0	0		không không	
70	21200065	Trần Anh	Dũng				0	0		không không	
71	21200066	Vương Nguyễn Tiến	Dũng				0	5		không năm	
72	21200067	Bùi Khánh	Duy								
73	21200068	Bùi Quốc	Duy				1	0		Một không	
74	21200069	Chế Hoàng	Duy				0	5		không năm	
75	21200071	Lê Đức	Duy				0	0		không không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1) Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001488

Tên học phần: **Tín hiệu, hệ thống và phân giải mạch**

Mã học phần: ETC10002

Lớp: **21DTV1**

Ngày thi: **25/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	21200075	Trần Đức	Duy				0	0		Không	
2	21200081	Nguyễn Thị Minh	Hân				1	5		Một năm	
3	21200091	Nguyễn Huy	Hoàng				0	0		Không	
4	21200092	Vũ Hiếu	Hoàng				0	0		Không	
5	21200093	Trần Thanh	Hồng				0	5		Không	
6	21200095	Đặng Phan Quốc	Hùng				0	5		Không	
7	21200098	Nguyễn Ngọc	Hưng				0	0		Không	
8	21200101	Lê Nhật	Huy				0	5		Không	
9	21200103	Trương Nguyễn Quang	Huy								
10	21200106	Nguyễn Đoàn Nguyên	Khang				1	5		Một năm	
11	21200110	Hoàng Bảo	Khánh				0	0		Không	
12	21200115	Nguyễn Đăng	Khoa				0	5		Không	
13	21200124	Phạm Khánh	Linh				1	0		Một không	
14	21200131	Lê Quang	Luật				1	5		Một năm	
15	21200138	Lê Văn	Minh				1	0		Một không	
16	21200144	Cao Văn	Nam				1	0		Một không	
17	21200147	Lê Tấn	Nam				2	0		Hai không	
18	21200150	Trần Văn	Nghĩa				0	5		Không	
19	21200152	Võ Bích	Ngọc				2	0		Hai không	
20	21200158	Lê Thị Uyên	Nhi				1	5		Một năm	
21	21200162	Hoàng Bùi An	Ninh				1	0		Một không	
22	21200166	Lý Tuấn	Phát				1	5		Một năm	
23	21200167	Nguyễn Minh	Phát				0	5		Không	
24	21200176	Nguyễn Hòa	Phúc				1	8		Một tám	
25	21200184	Nguyễn Triệu Nam	Phương				0	0		Không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Nguyễn Anh Khoa</u> 1) <u>Nguyễn Thị Nga</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Trần Xuân Tân</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Trần Xuân Tân</u> Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001489

Tên học phần: **Tín hiệu, hệ thống và phân giải mạch**

Mã học phần: ETC10002

Lớp: **21DTV1**Ngày thi: **25/04/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	21200191	Lê Bá Trí	Quang					1	0	Hết không	
27	21200192	Nguyễn Nho Đăng	Quang					2	0	Hai không	
28	21200196	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh					2	0	Hai không	
29	21200197	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh					2	0	Hai không	
30	21200199	Nguyễn Thanh	Sang					1	0	Một không	
31	21200200	Nguyễn Nam	Son					0	0	Không không	
32	21200201	Phạm Hoàng	Son					1	0	Một không	
33	21200202	Trịnh Hải	Son					1	0	Một không	
34	21200203	Vũ Nam	Son					1	0	Một không	
35	21200210	Lê Đình Quốc	Thái					0	0	Không không	
36	21200214	Nguyễn Tiến	Thắng					1	5	Hết năm	
37	21200218	Nguyễn Minh	Thiện					1	0	Một không	
38	21200236	Trần Trung	Tín					0	5	Không năm	
39	21200241	Nguyễn Đăng	Trí								
40	21200242	Nguyễn Huỳnh Minh	Trí					2	0	Hai không	
41	21200247	Trần Quốc	Trung					0	5	Không năm	
42	21200249	Hoàng Hữu	Tú					1	0	Một không	
43	21200255	Nguyễn Quốc	Việt					0	0	Không không	
44	21200256	Chu Quang	Vinh					0	0	Không không	
45	21200259	Nguyễn Huy	Vũ					0	5	Không năm	
46	21200260	Nguyễn Minh	Vượng					1	0	Một không	
47	21200262	Nguyễn Đức	Yên					0	5	Không năm	
48	21200268	Nguyễn Chiêu	Bảo					1	0	Một không	
49	21200269	Nguyễn Gia	Bảo					1	0	Một không	
50	21200271	Đặng Nhật	Bình					2	0	Hai không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1)	Chữ ký:	Chữ ký:
2)		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001490

Tên học phần: **Tín hiệu, hệ thống và phân giải mạch**

Mã học phần: ETC10002

Lớp: **21DTV1**

Ngày thi: **25/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	21200272	Nguyễn Đức Việt	Bình					1	0	Hết không	
52	21200273	Châu Chi	Cường					1	8	Hết tạm	
53	21200276	Lê Văn	Đạt					2	0	Hai không	
54	21200278	Nguyễn Tiến	Đạt					0	3	Không bàn	
55	21200285	Võ Tư	Hải					1	0	Hết không	
56	21200309	Nguyễn Thành	Lộc					1	0	Hết không	
57	21200317	Nguyễn Quang	Nghĩa					1	0	Hết không	
58	21200318	Trần Hữu	Nghĩa					1	0	Hết không	
59	21200331	Nguyễn Duy	Phúc					1	0	Hết không	
60	21200337	Nguyễn Hồng	Quân					2	0	Hai không	
61	21200339	Đỗ Minh	Quang					1	5	Hết năm	
62	21200348	Võ Tấn	Tài					2	0	Hai không	
63	21200350	Trần Vy	Thanh					0	8	Không tạm	
64	21200354	Trịnh Đình	Thạnh					2	0	Hai không	
65	21200356	Lê Minh	Thông					2	0	Hai không	
66	21200359	Dương Văn	Thương					1	0	Hết không	
67	21200360	Vũ Nhật	Tiến					1	5	Hết năm	
68	21200361	Trần Huỳnh	Tin					1	5	Hết năm	
69	21200363	Nguyễn Minh	Trí					1	5	Hết năm	
70	21200365	Võ Minh	Trung					2	0	Hai không	
71	21200370	Trần Quốc	Việt					2	0	Hai không	
72	21200372	Trần Nguyễn Tường	Vũ					1	5	Hết năm	
73	21200374	Mai Thị Cẩm	Ly					1	0	Hết không	
74	21200375	Phạm Thanh	Dương					2	0	Hai không	
75											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1)	Chữ ký:	Chữ ký:
2)		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001493

Tên học phần: **Tín hiệu, hệ thống và phân giải mạch**

Mã học phần: **ETC10002**

Lớp: **21DTV2**

Ngày thi: **25/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	1620107	Trịnh Gia	Khiêm								
2	1720092	Đinh Xuân	Hòa		<i>Q</i>			0	0	<i>không</i>	
3	1720150	Cao Hoàng	Minh								
4	18200035	Bùi Hữu	Phước								
5	19200086	Nguyễn Thành	Hiếu		<i>Hiếu</i>			0	0	<i>không</i>	
6	19200099	Nguyễn Đức	Huy		<i>Huy</i>			0	5	<i>không</i>	
7	19200111	Nguyễn Quốc	Khánh								
8	19200149	Ngô Tấn	Phát								
9	19200240	Phạm Vũ Hoàng	Anh		<i>Anh</i>			1	0	<i>không</i>	
10	19200249	Vũ Quốc	Bảo		<i>Bảo</i>			0	0	<i>không</i>	
11	19200256	Đàm Quang Nhật	Chiêu		<i>Cy</i>			0	0	<i>không</i>	
12	19200262	Trần Nguyễn Ngọc	Danh		<i>Danh</i>			0	5	<i>không</i>	
13	19200272	Nguyễn Hữu	Đình								
14	19200276	Trần Trung	Dũng		<i>Trung</i>			0	5	<i>không</i>	
15	19200283	Phạm Khánh	Duy								
16	19200341	Nguyễn Duy	Khánh		<i>Khánh</i>			0	5	<i>không</i>	
17	19200342	Nguyễn Duy	Khánh								
18	19200346	Nguyễn Tiến	Khoa		<i>Khoa</i>			1	0	<i>không</i>	
19	19200386	Lê Hoài	Nam		<i>Nam</i>			0	0	<i>không</i>	
20	19200402	Phan Văn	Nguyễn		<i>Nguyễn</i>			0	0	<i>không</i>	
21	19200409	Phạm Minh	Nhật								
22	19200436	Trần Thiên	Phúc		<i>Phúc</i>			1	5	<i>không</i>	
23	19200462	Trần Ngọc	Son								
24	19200521	Phạm Hồng	Tiến		<i>Tiến</i>			0	0	<i>không</i>	
25	19200547	Trịnh Hồng	Tuân		<i>Tuân</i>			0	5	<i>không</i>	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Trúc Linh</i>	Họ, tên: <i>Trần Xuân Tân</i>	Họ, tên:
1) <i>Nguyễn Thị Trúc Linh</i> Chữ ký: <i>Nguyễn Thị Trúc Linh</i>	Chữ ký: <i>Trần Xuân Tân</i>	Chữ ký:
2) <i>Lê Ngọc Hoa</i> Chữ ký: <i>Lê Ngọc Hoa</i>		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001494

Tên học phần: **Tín hiệu, hệ thống và phân giải mạch**

Mã học phần: ETC10002

Lớp: 21DTV2

Ngày thi: 25/04/2023

Giờ thi: 09g00

Phòng thi: E305

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V á n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20200003	Nguyễn Cao	Chánh		<i>Agon</i>	☐		0	0	không	
27	20200039	Nguyễn Trần Phước	Huy		<i>Huy</i>	☐		0	0	không	
28	20200063	Đỗ Nhật	Phát		<i>phat</i>	☐		0	0	không	
29	20200080	Hà Huy	Thắng		<i>de</i>	☐		0	3	không	
30	20200138	Tạ Quốc	Bảo		<i>Quoc</i>	☐		0	0	không	
31	20200152	Trần Quang	Dài		<i>Đai</i>	☐		1	5	không	
32	20200156	Đặng Nguyễn Phát	Đạt		<i>Đạt</i>	☐		0	3	không	
33	20200174	Bùi Nguyễn Anh	Duy			☒					
34	20200193	Nguyễn Hồng	Hiền		<i>Hieu</i>	☐		0	0	không	
35	20200196	Đỗ Quang	Hiếu		<i>thieu</i>	☐		0	0	không	
36	20200202	Đinh Quang	Hòa		<i>Hoa</i>	☐		0	0	không	
37	20200204	Đặng Ngọc	Hoàng		<i>Hoang</i>	☐		0	5	không	
38	20200206	Lê Huy	Hoàng		<i>Hoang</i>	☐		1	0	không	
39	20200217	Già Lương	Huy		<i>huy</i>	☐		1	0	không	
40	20200245	Trần Văn	Lâm		<i>Vn</i>	☐		0	0	không	
41	20200249	Nguyễn Sỹ	Linh		<i>Ly</i>	☐		0	5	không	
42	20200255	Đỗ Tiến	Luật		<i>Luat</i>	☐		0	0	không	
43	20200268	Hà Nguyễn Hoàng	Nam		<i>Ha</i>	☐		0	0	không	
44	20200343	Lê Thị	Thảo		<i>Thao</i>	☐		0	5	không	
45	20200367	Nguyễn Đức	Toàn		<i>toan</i>	☐		0	5	không	
46	20200378	Hoàng Ngọc	Trung		<i>Trung</i>	☐		0	0	không	
47	20200379	Huỳnh Trần Quốc	Trung			☒					
48	21200051	Phan Công	Danh		<i>Danh</i>	☐		0	0	không	
49	21200072	Lê Hoàn	Duy		<i>Hoan</i>	☐		0	0	không	
50	21200127	Nguyễn Huỳnh	Long		<i>Long</i>	☐		1	0	không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Chí Trúc Linh</i> 1).....Chữ ký: <i>luh</i> 2).....Chữ ký: <i>luh</i>	Họ, tên: <i>Trần Xuân Tân</i> Chữ ký: <i>lu</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001495

Tên học phần: **Tín hiệu, hệ thống và phân giải mạch**

Mã học phần: **ETC10002**

Lớp: **21DTV2**

Ngày thi: **25/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
51	21200139	Nguyễn Quang	Minh		<i>minh</i>	☐	0	5		không năm	
52	21200237	Nguyễn Trung	Tính		<i>nt</i>	☐	0	0		không không	
53	21200238	Lâm Ngọc Thu	Trang		<i>Trang</i>	☐	0	0		không không	
54	21200250	Trần Anh	Tú		<i>Tu</i>	☐	0	0		không không	
55	21200267	Dương Quốc	Bảo		<i>DQ</i>	☐	0	0		không không	
56	21200270	Phạm Hoàng Gia	Bảo		<i>Bao</i>	☐	1	0		không không	
57	21200274	Nguyễn Tiến	Đại		<i>DT</i>	☐	1	0		không không	
58	21200275	Võ Thành	Danh		<i>vt</i>	☐	1	5		không năm	
59	21200277	Nguyễn Thành	Đạt		<i>DT</i>	☐	0	0		không không	
60	21200279	Nguyễn Huy	Du		<i>huyd</i>	☐	1	5		không năm	
61	21200280	Lê Đình	Dũng		<i>LD</i>	☐	1	5		không năm	
62	21200281	Nguyễn Tiến	Dũng		<i>NT</i>	☐	1	0		không không	
63	21200282	Phạm Quang	Dũng		<i>PQ</i>	☐	0	3		không ba	
64	21200283	Nguyễn Đào Bình	Dương		<i>DB</i>	☐	0	0		không không	
65	21200284	Nguyễn	Giang		<i>N</i>	☐	1	5		không năm	
66	21200286	Trần Hữu	Hạnh		<i>Hanh</i>	☐	0	0		không không	
67	21200287	Danh Chí	Hiền		<i>HC</i>	☐	1	0		không không	
68	21200288	Nguyễn Thừa Vũ	Hiệp		<i>HTV</i>	☐	0	5		không năm	
69	21200289	Hồ Công	Hiếu		<i>HC</i>	☐	2	0		không không	
70	21200290	Nguyễn Văn	Hiếu		<i>NV</i>	☐	1	0		không không	
71	21200293	Lê Quang	Huy		<i>LQ</i>	☐	1	0		không không	
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Chí Trúc Linh</i> 1) <i>Nguyễn Chí Trúc Linh</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>Lê Ngọc Hoa Tiên</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Trần Xuân Tân</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001491

Tên học phần: **Tín hiệu, hệ thống và phân giải mạch**

Mã học phần: ETC10002

Lớp: **21DTV2**Ngày thi: **25/04/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	21200294	Nguyễn Nhật	Huy		<i>nhuy</i>	☐	2	0		Hai không	
2	21200296	Đặng Văn	Hy		<i>hy</i>	☐	0	0		không không	
3	21200298	Phạm Hoàng	Khải		<i>pham</i>	☐	0	5		không năm	
4	21200301	Phạm Ngọc	Khôi		<i>pham</i>	☐	1	0		không không	
5	21200302	Nguyễn Hồ Tuấn	Kiệt		<i>nguyen</i>	☐	1	8		không năm	
6	21200303	Nguyễn Tuấn	Kiệt		<i>nguyen</i>	☐	1	8		không năm	
7	21200304	Trần Tuấn	Kiệt		<i>tran</i>	☐	2	0		Hai không	
8	21200305	Nguyễn Vũ Lục	Lam		<i>nguyen</i>	☐	1	0		không không	
9	21200307	Võ Thị	Lên		<i>vo</i>	☐	2	0		Hai không	
10	21200308	Huỳnh Thị Quỳnh	Liên		<i>huynh</i>	☐	1	0		không không	
11	21200310	Lê Ngọc	Long		<i>le</i>	☐	0	0		không không	
12	21200311	Lý Minh	Mẫn		<i>ly</i>	☐	1	5		không năm	
13	21200312	Nguyễn Đặng Duy	Mạnh		<i>nguyen</i>	☐	2	0		Hai không	
14	21200313	Nguyễn Công	Minh		<i>nguyen</i>	☐	0	5		không năm	
15	21200314	Phan Hoàng Anh	Minh		<i>phan</i>	☐	1	0		không không	
16	21200316	Ngô Thế	Nam		<i>ngo</i>	☐	1	0		không không	
17	21200320	Trần Nguyên	Nhật		<i>tran</i>	☐	1	0		không không	
18	21200321	Trương Thị Quỳnh	Nhi		<i>truong</i>	☐	1	0		không không	
19	21200322	Thạch Minh	Như		<i>thach</i>	☐	0	5		không năm	
20	21200323	Võ Thị Hồng	Nhung		<i>vo</i>	☐	2	0		Hai không	
21	21200324	Trần Quang	Nhựt		<i>tran</i>	☐	0	0		không không	
22	21200325	Đoàn Nhật	Ninh		<i>doan</i>	☐	0	0		không không	
23	21200326	Nguyễn Tấn	Phát		<i>nguyen</i>	☐	1	5		không năm	
24	21200327	Vũ Hưng	Phát		<i>vu</i>	☐	1	0		không không	
25	21200328	Nguyễn Đức	Phú		<i>nguyen</i>	☐	2	0		Hai không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Hà Thuý Hằng</i> 1) <i>Hà Thuý Hằng</i> Chữ ký: <i>nh</i> 2) <i>Trương Thị Ngọc Quỳnh</i> Chữ ký: <i>th</i>	Họ, tên: <i>Đỗ Văn Xuân Tân</i> Chữ ký: <i>lv</i>	Họ, tên: _____ Chữ ký: _____



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001492

Tên học phần: **Tín hiệu, hệ thống và phân giải mạch**

Mã học phần: ETC10002

Lớp: 21DTV2

Ngày thi: 25/04/2023

Giờ thi: 09g00

Phòng thi: E304

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21200329	Lê Thiện	Phúc			☐		0	0	không	
27	21200330	Lưu Thái	Phúc			☐		1	0	không	
28	21200332	Trần Bảo	Phúc			☐		1	0	không	
29	21200333	Phan Hữu	Phước			☐		1	5	không	
30	21200334	Bùi Mai	Phương			☐		1	0	không	
31	21200335	Đoàn Tôn Việt	Phương			☐		1	0	không	
32	21200336	Nguyễn Minh	Phương			☐		1	0	không	
33	21200338	Đỗ Duy	Quang			☐		2	0	Hai không	
34	21200342	Trần Lê Nhật	Quin			☐		2	0	Hai không	
35	21200344	Phạm Bảo	Quốc			☐		0	5	không	
36	21200345	Hồ Xuân	Sang			☐		1	5	không	
37	21200346	Lê Đoàn Phú	Sang			☐		1	0	không	
38	21200347	Lâm Hải	Son			☐		1	0	không	
39	21200351	Lê Minh	Thành			☐		2	0	Hai không	
40	21200352	Lý Nguyên	Thành			☐		2	0	Hai không	
41	21200353	Nguyễn Phước	Thành			☐		1	0	không	
42	21200355	Lê Minh	Thế			☐		0	0	không	
43	21200358	Trần Hữu	Thức			☐		1	0	không	
44	21200362	Nguyễn Đức	Tri			☐		0	0	không	
45	21200364	Bồ Quốc	Triệu			☐		0	5	không	
46	21200366	Võ Duy	Trương			☐		1	5	không	
47	21200367	Lê Đức Anh	Tuấn			☐		1	0	không	
48	21200368	Nghiêm Thái Hoàng	Tuấn			☐		0	5	không	
49	21200369	Nguyễn Văn	Viên			☐		0	5	không	
50	21200373	Huỳnh Đa	Ý			☐		1	0	không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Khai Tường Hằng</u> Chữ ký: <u></u> 2) <u>Trần Xuân Tôn</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: <u>Trần Xuân Tôn</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001614

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22CMT1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	19120601	Phạm Xuân	Nghĩa								
2	20120284	Lê Đức	Hậu				3	9		Ba chấm chín	
3	22110106	Trương Trần Phúc	Lĩnh				5	3		Năm chấm ba	
4	22110128	Nguyễn Thị Kim	Ngân				6	2		Sáu chấm hai	
5	22110137	Trần Thiện	Nguyên				5	8		Năm, chấm tám	
6	22110150	Lê Thị Cẩm	Nhung				4	8		Bốn chấm tám	
7	22110156	Trần Võ Nhật	Phong				6	4		Sáu chấm tư	
8	22110157	Hồ Thanh	Phú				3	1		Ba chấm một	
9	22110158	Trần Châu	Phú				4	6		Bốn chấm sáu	
10	22110162	Trương Hữu	Phúc				3	9		Ba chấm chín	
11	22110197	Nguyễn Huỳnh Đức	Tân				2	9		Hai chấm chín	
12	22110216	Cao Minh	Thuận				5	8		Năm chấm tám	
13	22110249	Lương Công	Tú				4	6		Bốn chấm sáu	
14	22110264	Nguyễn Văn Anh	Vũ				6	6		Sáu chấm sáu	
15	22120404	Lê Thanh	Tuấn				7	9		Bảy chấm chín	
16	22120415	Trần Quang	Tuyên				5	1		Năm chấm một	
17	22130087	Nguyễn Kim Trúc	Linh				5	8		Năm chấm tám	
18	22220001	Hồ Quốc	Bình				4	2		Bốn chấm hai	
19	22220002	Phan Thị Mộng	Cầm				7	4		Bảy chấm tư	
20	22220003	Huỳnh Ngọc Minh	Châu				5	8		Năm chấm tám	
21	22220004	Phan Hồng	Châu				2	9		Hai chấm chín	
22	22220005	Quách Thành	Công				5	1		Năm chấm một	
23	22220006	Phạm Hoàng Minh	Đăng				5	4		Năm chấm tư	
24	22220007	Nguyễn Xuân	Dĩ				5	6		Năm chấm sáu	
25	22220008	Dương Thị Kiều	Diễm				4	1		Bốn chấm một	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Phạm Thị Hòa</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u> 2) <u>Nguyễn Thị Kiều</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Kiều Nam</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001615

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22CMT1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vắng	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phần		
26	22220009	Nguyễn Ngọc	Diệp			☐		5	8	Năm chấm tám	
27	22220010	Huỳnh Xuân	Đông			☐		4	4	Bốn chấm tư	
28	22220011	Nguyễn	Duy			☒					GV cho KT lại
29	22220012	Võ Hoàng	Duy			☐		6	5	Sáu chấm năm	
30	22220014	Vũ Hồng	Giới			☐		3	4	Ba chấm tư	
31	22220015	Lâm Ngọc	Hà			☐		3	4	Ba chấm tư	
32	22220016	Dương Vũ Ngọc	Hân			☐		4	1	Bốn chấm một	
33	22220017	Nguyễn Văn	Hiệu	/		☐		4	9	Bốn chấm chín	
34	22220019	Trần Gia	Huy			☒					
35	22220020	Trần Quốc	Huy			☐		7	1	Bảy chấm một	
36	22220021	Đỗ Hoàng	Khang			☐		6	2	Sáu chấm hai	
37	22220022	Nguyễn Hoàng	Khánh			☐		3	1	Ba chấm một	
38	22220023	Đỗ Duy	Khôi			☒					
39	22220024	Đinh Tuấn	Kiệt			☐		3	5	Ba chấm năm	
40	22220025	Nguyễn Thị	Loan			☐		6	6	Sáu chấm sáu	
41	22220026	Phạm Ngọc	Minh			☐		3	1	Ba chấm một	
42	22220027	Lê Thái Hoàng	Ngân			☒					
43	22220028	Trần Thị Thanh	Ngân			☐		3	4	Ba chấm tư	
44	22220029	Tô Hoàng Phương	Nghi			☐		6	1	Sáu chấm một	
45	22220030	Phạm Vũ Thy	Ngọc			☐		5	4	Năm chấm tư	
46	22220031	Nguyễn Mai Thanh	Nguyên			☐		6	5	Sáu chấm năm	
47	22220032	Nguyễn Tấn Bảo	Nguyên			☐		4	6	Bốn chấm sáu	
48	22220034	Nguyễn Thành	Nhân			☐		3	4	Ba chấm tư	
49	22220035	Hồ Như	Nhất			☐		4	4	Bốn chấm tư	
50	22220037	Tạ Huỳnh	Nhi			☐		5	6	Năm chấm sáu	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001616

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22CMT1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22220038	Võ Ngọc	Nhi		<i>Nhi</i>	☐		6	7	Sáu chấm bảy	
52	22220039	Trần Huy	Nhơn		<i>Huy</i>	☐		4	7	Bốn chấm bảy	
53	22220040	Võ Thành	Nhơn		<i>Thành</i>	☐		2	4	Hai chấm tư	
54	22220041	Nguyễn Thị Ngọc	Như		<i>Như</i>	☐		5	8	Năm chấm tám	
55	22220042	Nguyễn Đình	Phát		<i>Phát</i>	☐		4	6	Bốn chấm sáu	
56	22220043	Đặng Quang	Phú		<i>Quang</i>	☐		2	4	Hai chấm tư	
57	22220044	Lê Nguyễn Chí	Phúc		<i>Chí</i>	☐		3	0	Ba chấm	
58	22220045	Hồ Nguyễn Anh	Quân		<i>Anh</i>	☐		8	9	Ba chấm chín	
59	22220046	Nguyễn Thị Ngọc	Quý		<i>Quý</i>	☐		6	0	Sáu chấm	
60	22220047	Phạm Hoàng Văn	Quỳnh			☒					
61	22220048	Lâm Tấn	Sang		<i>Sang</i>	☐		4	2	Bốn chấm hai	
62	22220049	Phạm Trần Quang	Son		<i>Quang</i>	☐		4	1	Bốn chấm một	
63	22220050	Phạm Mạnh	Tài		<i>Mạnh</i>	☐		7	3	Bảy chấm ba	
64	22220051	Nguyễn Minh	Thắng		<i>Minh</i>	☐		6	7	Sáu chấm bảy	
65	22220053	Nguyễn Ngọc	Thanh		<i>Ngọc</i>	☐		7	4	Bảy chấm tư	
66	22220054	Huỳnh Kim	Thi		<i>Kim</i>	☐		5	0	Năm chấm	
67	22220055	Nguyễn Lê Tâm	Thi		<i>Tâm</i>	☐		3	6	Ba chấm sáu	
68	22220056	Nguyễn Viết Anh	Thi		<i>Anh</i>	☐		5	6	Năm chấm sáu	
69	22220057	Nguyễn	Thịnh		<i>Thịnh</i>	☐		7	3	Bảy chấm ba	
70	22220058	Võ Hoàng Minh	Thư		<i>Minh</i>	☐		4	1	Bốn chấm một	
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Phạm Thị Thi</i> Chữ ký: <i>Thi</i> 2) <i>Lê Thị Khanh</i> Chữ ký: <i>Khanh</i>	Họ, tên: <i>Trần Chí Quốc</i> Chữ ký: <i>Quốc</i> <i>Nam</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001612

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22CMT1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	22220059	Nguyễn Thị Như	Thụy				4	8		Bốn chấm tám	
2	22220060	Nguyễn Ngọc Diễm	Thy				6	9		Sáu chấm chín	
3	22220061	Nguyễn Hồng Khánh	Tiên				5	7		Năm chấm bảy	
4	22220062	Nguyễn Thủy	Tiên				4	3		Bốn chấm ba	
5	22220065	Phan Công	Trọng				4	0		Bốn chấm	
6	22220066	Đặng Minh	Trung				5	3		Năm chấm ba	
7	22220067	Vũ Phạm Anh	Tú				3	8		Ba chấm tám	
8	22220068	Lê Danh	Tuấn				2	4		Hai chấm tư	
9	22220070	Bùi Thị Thanh	Vân				8	1		Tám chấm một	
10	22220071	Phạm Lê Bảo	Vi								
11	22220072	Nguyễn Thế	Vinh				6	5		Sáu chấm năm	
12	22290001	Lê Tuấn	Anh				6	0		Sáu chấm	
13	22290002	Nguyễn Lê Chiêu	Anh				3	3		Ba chấm ba	
14	22290003	Thái Ngọc Trang	Đài				6	3		Sáu chấm ba	
15	22290004	Cao Xuân	Định				3	5		Ba chấm năm	
16	22290005	Lê Hữu	Đông				4	4		Bốn chấm tư	
17	22290006	Lê Hoàng	Dũng								
18	22290007	Hồ Minh	Duy				3	4		Ba chấm tư	
19	22290008	Lê Hoàng	Giang								
20	22290010	Đào Tuấn	Hưng				4	4		Bốn chấm tư	
21	22290012	Thái Hoàng	Kim				3	4		Ba chấm tư	
22	22290013	Nguyễn Gia	Linh				4	6		Bốn chấm sáu	
23	22290014	Trần Khánh	Linh				6	3		Sáu chấm ba	
24	22290015	Lê Khánh	Luân				3	3		Ba chấm ba	
25	22290016	Nguyễn Thị Xuân	Mai				3	7		Ba chấm bảy	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Nguyễn Đình Phụng</u> 1) <u>Nguyễn Đình Phụng</u> Chữ ký: 2) <u>Nguyễn Đình Phụng</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Ng. Thị Quê Nam</u> Chữ ký: <u>Nam</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001613

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22CMT1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22290019	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc					3	2	Ba chấm hỏi	
27	22290020	Trần Lê Bảo	Ngọc					2	8	Hai chấm, tam	
28	22290021	Nguyễn Thành	Nhân					7	5	Bảy chấm nặng	
29	22290022	Phạm Thị	Nhị					8	1	Tám chấm mặt	
30	22290023	Nguyễn Thu	Nhung					2	7	Hai chấm, bảy	
31	22290024	Võ Thị Hồng	Nhung					4	6	Bốn chấm, sáu	
32	22290025	Nguyễn Thị Tuyết	Phương					4	8	Bốn chấm, tam	
33	22290026	Lữ Thị Như	Quỳnh					8	2	Tám chấm hỏi	
34	22290028	Cù Minh	Thiện					5	8	Năm chấm, tam	
35	22290029	Bùi Ngọc	Thơ					5	3	Năm chấm, ba	
36	22290030	Huỳnh Thị Hoài	Thương					6	9	Sáu chấm, chín	
37	22290031	Phạm Thị Thanh	Thủy					4	8	Bốn chấm, tam	
38	22290032	Đặng Thị	Thùy					3	1	Ba chấm, mặt	
39	22290033	Trần Thanh	Toàn					3	4	Ba chấm, tứ	
40	22290034	Hoàng Mai	Trang					5	2	Năm chấm, hỏi	
41	22290035	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang					4	6	Bốn chấm, sáu	
42	22290036	Ngô Thị Lan	Trình					4	1	Bốn chấm, mặt	
43	22290037	Phan Thanh	Tùng					4	2	Bốn chấm, hỏi	
44	22290038	Trần Minh	Tùng					3	4	Ba chấm, tứ	
45	22290039	Huỳnh Bích	Tuyền					4	9	Bốn chấm, chín	
46	22290040	Nguyễn Trần Kim	Tuyền					3	3	Ba chấm, ba	
47	22290042	Võ Nguyễn Đức	Vỹ					4	2	Bốn chấm, hỏi	
48	22290043	Trần Thị Lệ	Xuân					6	5	Sáu chấm, nặng	
49											
50											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Đình Phú Chữ ký:	Họ, tên: Ngô Thị Quỳnh Nam Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Trần Thị Lệ Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001625

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22KMT1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	18120351	Võ Mạnh	Hải								
2	19110511	Nguyễn Hải	Việt		Việt			5	4	Năm chấm tư	
3	19200376	Lê Nhật	Minh		Minh			2	9	Hai chấm chín	
4	20120355	Đình Minh	Quân		Quân			4	6	Bốn chấm sáu	
5	20120359	Nguyễn Đức	Quang		Đức			4	1	Bốn chấm một	
6	20170121	Trần Thị Huỳnh	Vi		Vi			6	6	Sáu chấm sáu	
7	20200164	Trần Phát	Đạt		Đạt			3	4	Ba chấm tư	
8	20200329	Nguyễn Trường	Sơn								
9	21110089	Võ Kế	Hoàng		Hoàng			7	4	Bảy chấm tư	
10	21110115	Lê Hồng Đức Trung	Kiên		Trung Kiên			3	8	Ba chấm tám	
11	21110254	Vũ Ngọc Quỳnh	Chi		Chi			6	0	Sáu chấm	
12	21120022	Cao Quảng	Phát		Phát			8	6	Tám chấm sáu	
13	21120253	Huỳnh Quốc	Huy		Huy			5	5	Năm chấm năm	
14	21120300	Phan Thanh Hà	Nguyên		Nguyên			5	4	Năm chấm tư	
15	21120542	Lâm Hoàng	Quốc		Quốc			7	6	Bảy chấm sáu	
16	21120555	Nguyễn Hữu	Thắng		Thắng			7	4	Bảy chấm tư	
17	21170087	Ngô Võ Hồng	Hân		Hồng			4	9	Bốn chấm chín	
18	21170142	Huỳnh Thanh	Nhân		Thanh Nhân			2	8	Hai chấm tám	
19	21170188	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết								
20	21200241	Nguyễn Đăng	Trí		Trí			3	7	Ba chấm bảy	
21	21200256	Chu Quang	Vinh		Quang Vinh			4	4	Bốn chấm tư	
22	21200270	Phạm Hoàng Gia	Bảo		Bảo			2	7	Hai chấm bảy	
23	22110069	Phạm Đồng	Hùng		Đồng Hùng			2	6	Hai chấm sáu	
24	22110195	Đào Xuân	Tân		Đào Tân			6	9	Sáu chấm chín	
25	22120010	Hoàng Tuấn	Anh		Anh			6	2	Sáu chấm hai	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Lý Hoàng Nam</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u> 2) <u>Nguyễn Văn Thắng</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>	Họ, tên: <u>Ngô Chí Quốc Nam</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001626

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22KMT1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	22120169	Nguyễn Trung	Kiên			☐		5	8	Năm chấm tam	
27	22120350	Lê Châu Hữu	Thọ			☐		8	8	Tám chấm tam	
28	22130081	Phạm Anh	Khoa			☐		4	7	Bốn chấm bảy	
29	22130096	Trần Đức	Lương			☐		5	7	Năm chấm bảy	
30	22130112	Nguyễn Lê Hải	Ngân			☐		3	7	Ba chấm bảy	
31	22130216	Ao Dương	Vĩ			☐		5	0	Năm chấm	
32	22170001	Nguyễn Ngọc Đồng	An			☐		7	3	Bảy chấm ba	
33	22170002	Đặng Nguyễn Minh	Anh			☐		7	0	Bảy chấm	
34	22170003	Lê Thị Vân	Anh			☐		7	6	Bảy chấm sáu	
35	22170004	Lê Văn Đức	Anh			☐		6	8	Sáu chấm tám	
36	22170005	Nguyễn Hoàng Duy	Anh			☐		5	2	Năm chấm hai	
37	22170006	Nguyễn Lê Phương	Anh			☐		6	5	Sáu chấm năm	
38	22170007	Nguyễn Thị Ngọc	Anh			☒					
39	22170008	Lương Gia	Bảo			☐		4	0	Bốn chấm	
40	22170009	Nguyễn Phúc	Bảo			☐		7	2	Bảy chấm hai	
41	22170010	Phan Công	Bảo			☐		3	6	Ba chấm sáu	
42	22170012	Dương Minh	Chánh			☐		3	9	Ba chấm chín	
43	22170016	Trương Đình	Duy			☐		5	7	Năm chấm bảy	
44	22170017	Vũ Ngọc Kiều	Duyên			☐		5	4	Năm chấm tư	
45	22170018	Ngô Thanh	Hải			☐		5	6	Năm chấm sáu	
46	22170019	Nguyễn Ngọc Gia	Hân			☐		7	1	Bảy chấm một	
47	22170020	Võ Ngọc	Hân			☐		5	2	Năm chấm hai	
48	22170021	Nguyễn Gia Vinh	Hiền			☐		7	7	Bảy chấm bảy	
49	22170022	Bùi Chí	Hiếu			☐		6	3	Sáu chấm ba	
50	22170023	Bùi Võ Trung	Hiếu			☐		2	8	Hai chấm tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Văn Hải</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Lưu Nam</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) <u>Nguyễn Thị Trúc Linh</u> Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001627

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22KMT1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phần		
51	22170024	Nguyễn Thanh	Hoài		<i>Hoài</i>	☐		5	1	Năm chấm một	
52	22170025	Trần Thị Tú	Huệ		<i>Hue</i>	☐		5	7	Năm chấm bảy	
53	22170026	Đặng Đỗ Quỳnh	Hương		<i>Quynh</i>	☐		4	7	Bốn chấm bảy	
54	22170027	Trịnh Gia	Huy		<i>Huy</i>	☐		2	4	Hai chấm tư	
55	22170028	Nguyễn Phương	Khanh		<i>Phuong</i>	☐		4	7	Bốn chấm bảy	
56	22170030	Đặng Đăng	Khoa		<i>Khoa</i>	☐		6	0	Sáu chấm	
57	22170031	Võ Nguyễn Duy	Khoa		<i>Khoa</i>	☐		4	3	Bốn chấm ba	
58	22170033	Ngô Tuấn	Kiệt		<i>Tuan</i>	☐		4	0	Bốn chấm	
59	22170034	Nguyễn Hoàng Anh	Kiệt		<i>Kiet</i>	☐		4	1	Bốn chấm một	
60	22170035	Trần Gia	Kiệt		<i>Kiet</i>	☐		7	1	Bảy chấm một	
61	22170036	Võ Lý Mỹ	Liên		<i>Ly</i>	☐		3	5	Ba chấm năm	
62	22170037	Nguyễn Cao Thùy	Linh		<i>Thuy</i>	☐		4	9	Bốn chấm chín	
63	22170039	Đỗ Hà Trà	My		<i>Tram</i>	☐		1	6	Một chấm sáu	
64	22170041	Châu Thụy Tuyết	Ngân		<i>Thuy</i>	☐		6	7	Sáu chấm bảy	
65	22170044	Nguyễn Bích	Ngọc		<i>Bich</i>	☐		4	8	Bốn chấm tám	
66	22170045	Trần Mai Uyên	Nhi		<i>Mai</i>	☐		4	4	Bốn chấm tư	
67	22170046	Vũ Trúc	Như		<i>Truc</i>	☐		6	4	Sáu chấm tư	
68	22170048	Phùng Kim	Oanh		<i>Phung</i>	☐		6	5	Sáu chấm năm	
69	22170049	Hoàng Thiên	Phú			☒					
70	22170050	Nguyễn Thị Mỹ	Phụng		<i>My</i>	☐		8	1	Tám chấm một	
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Thị Trúc Linh</i> Chữ ký: <i>Truc</i> 2) <i>Trần Hoàng Nam</i> Chữ ký: <i>Nam</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Trúc Linh</i> Chữ ký: <i>Truc</i> <i>Trần Hoàng Nam</i> Chữ ký: <i>Nam</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001623

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22KMT1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	22170051	Nguyễn Đình	Phước		<i>Phu</i>	☐	7	2		Bảy chấm hai	
2	22170053	Ngô Phương	Phương		<i>Phu</i>	☐	9	3		Chín chấm ba	
3	22170054	Nguyễn Đỗ Khánh	Phương		<i>Phu</i>	☐	6	0		Sáu chấm	
4	22170055	Ngô Thị Mỹ	Quỳnh		<i>Quynh</i>	☐	7	6		Bảy chấm sáu	
5	22170056	Nguyễn Ngọc Mỹ	Quỳnh		<i>Quynh</i>	☐	6	1		Sáu chấm một	
6	22170057	Nguyễn Thành	Tài		<i>Thanh</i>	☐	3	5		Ba chấm năm	
7	22170058	Võ Hồng	Thắm		<i>Tham</i>	☐	8	1		Tám chấm một	
8	22170059	Võ Thị Hồng	Thắm		<i>Tham</i>	☐	8	4		Tám chấm bốn	
9	22170060	Hồ Trần Phương	Thảo		<i>Thao</i>	☐	6	2		Sáu chấm hai	
10	22170063	Lương Thị Hà	Vy		<i>Thuy</i>	☐	4	3		Bốn chấm ba	
11	22170064	Phan Thị Như	Ngọc		<i>Ngoc</i>	☐	6	2		Sáu chấm hai	
12	22170065	Trần Hưng	Thịnh		<i>Thinh</i>	☐	3	6		Ba chấm sáu	
13	22170066	Trần Cao Anh	Thư		<i>Tha</i>	☐	2	8		Hai chấm tám	
14	22170067	Võ Thị Kim	Thư		<i>Tha</i>	☐	5	0		Năm chấm	
15	22170068	Lý Ngọc	Thy		<i>Thy</i>	☐	6	5		Sáu chấm năm	
16	22170070	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		<i>Tram</i>	☐	5	2		Năm chấm hai	
17	22170072	Đinh Thị Thảo	Trinh		<i>Trinh</i>	☐	4	6		Bốn chấm sáu	
18	22170073	Nguyễn Văn	Trung		<i>Trung</i>	☐	3	0		Ba chấm	
19	22170074	Phùng Trần Anh	Tú		<i>Tu</i>	☐	4	2		Bốn chấm hai	
20	22170076	Nguyễn Anh	Tuấn		<i>Tu</i>	☐	6	1		Sáu chấm một	
21	22170077	Phan Anh	Tuấn		<i>Thanh</i>	☐	3	7		Ba chấm bảy	
22	22170078	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền		<i>Tuyen</i>	☐	6	7		Sáu chấm bảy	
23	22170079	La Ngọc Khánh	Vi		<i>Vi</i>	☐	3	6		Ba chấm sáu	
24	22170080	Châu Anh	Vũ		<i>Vu</i>	☐	5	3		Năm chấm ba	
25	22170081	Nguyễn Hoàng	Vũ		<i>Vu</i>	☐	5	1		Năm chấm một	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Thị Ngọc</i> Chữ ký: <i>Ngoc</i> 2) <i>Khai Thuy Hang</i> Chữ ký: <i>Ngoc</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Quỳnh</i> Chữ ký: <i>Quynh</i> <i>Trần Thị Ngọc</i> Chữ ký: <i>Ngoc</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001624

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22KMT1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	22170082	Nguyễn Nhật Anh	Vũ			☐		5	6	Năm chấm sáu	
27	22170083	Phan Bùi Thúy	Vy			☐		6	4	Sáu chấm tư	
28	22170084	Phan Phát Duy	Bình			☐		6	1	Sáu chấm một	
29	22190020	Văn Công Nhật	Duy			☐		6	0	Sáu chấm	
30	22190021	Bùi Minh	Giang			☐		4	9	Bốn chấm chín	
31	22190040	Nguyễn Vũ Nguyên	Khôi			☐		4	8	Bốn chấm tám	
32	22190045	Nguyễn Yến	Linh			☐		4	9	Bốn chấm chín	
33	22190059	Phạm Gia	Nguyễn			☐		4	2	Bốn chấm hai	
34	22190080	Vũ Đức	Thành			☐		5	2	Năm chấm hai	
35	22190098	Dương Quốc	Việt			☐		4	6	Bốn chấm sáu	
36	22200017	Trần Đình Quốc	Bảo			☒					
37	22200018	Trần Vũ	Bảo			☐		4	5	Bốn chấm năm	
38	22200028	Nguyễn Tấn	Đạt			☐		4	1	Bốn chấm một	
39	22200036	Vũ Đình	Đức			☐		3	9	Ba chấm chín	
40	22200054	Phạm Ngọc Anh	Hào			☐		5	9	Năm chấm chín	
41	22200088	Trịnh Hoàng	Kiệt			☐		4	6	Bốn chấm sáu	
42	22200128	Nguyễn Minh	Phước			☐		3	6	Ba chấm sáu	
43	22200140	Lê Đăng	Tâm			☐		6	8	Sáu chấm tám	
44	22200145	Nguyễn Vũ Nhật	Thành			☐		4	4	Bốn chấm tư	
45	22200158	Nguyễn Đức	Thuận			☐		4	9	Bốn chấm chín	
46	22200177	Nguyễn Ngọc Duy	Tuấn			☐		7	9	Bảy chấm chín	
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Trần Đình Quốc</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Nữ Nam</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) <u>Trần Đình Quốc</u> Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001628

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22KVL**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	19110272	Nguyễn Phương	Bình	1				3	4	Ba bốn	
2	19200356	Nguyễn Xuân	Kiệt	~				5	2	Năm hai	
3	19230052	Nguyễn Vĩnh	Hoàng					6	0	Sáu không	
4	20120292	Phạm Quốc	Hùng					7	0	Bảy không	
5	20120570	Phạm Thành	Tài					7	6	Bảy sáu	
6	20130147	Trần Thanh	Vinh					8	6	Tám sáu	
7	21110065	Võ Tấn	Duy					5	2	Năm hai	
8	21110302	Tạ Nguyễn Gia	Hưng					8	2	Tám hai	
9	21110338	Nguyễn Đức	Lượng					5	8	Năm tám	
10	21110344	Nguyễn Phước Gia	My					5	0	Năm không	
11	21110369	Trần Gia	Phú					5	2	Năm hai	
12	21110413	Nguyễn Tấn	Toàn					4	2	Bốn hai	
13	21120036	Triệu Hoàng Thiên	Ân					8	4	Tám bốn	
14	21120140	Trần Gia	Thịnh					7	2	Bảy hai	
15	21120339	Nguyễn Đình Nam	Thuận					7	8	Bảy tám	
16	21120347	Nguyễn Khắc	Triệu					6	8	Sáu tám	
17	21120365	Tô Hiền	Vinh					9	0	Chín không	
18	21120533	Lê Thị Minh	Phương					8	2	Tám hai	
19	21120593	Võ Hoàng Hoa	Viên					8	2	Tám hai	Thi BS
20	21130288	Trần Thị Triều	Tiên					4	2	Bốn hai	
21	21200028	Lê Nguyễn Tuấn	Anh								
22	22110208	Nguyễn Ngọc	Thiện					6	0	Sáu không	
23	22110210	Võ Xuân	Thiện					6	4	Sáu bốn	
24	22110217	Huỳnh Minh	Thuận					7	8	Bảy tám	
25	22110218	Trương Minh	Thuật					7	6	Bảy sáu	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Ng. Văn Đức</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Phạm Minh</u> Chữ ký:	Họ, tên: _____
2) <u>Lê Nguyễn Tuấn</u> Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký: _____



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001629

Tên học phần: **Khoa học trái đất**Mã học phần: **GEO00002**Lớp: **22KVL**Ngày thi: **26/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22110225	Nguyễn Đình	Tiến					7	4	Bảy bốn	
27	22110235	Nguyễn Minh	Tri					4	4	Bốn bốn	
28	22120224	Trần Hoàng Kim	Ngân					4	6	Bốn Sáu	
29	22120226	Lê Trọng	Nghĩa					7	8	Bảy tám	
30	22120322	Tổng Trọng	Tâm					5	2	Năm hai	
31	22120437	Lê Đình Hoàng	Vũ					6	2	Sáu hai	
32	22120460	Dương Hoài	Minh					8	2	Tám hai	
33	22130145	Trương Ngô Ân	Phượng					6	0	Sáu không	
34	22130224	Nguyễn Trần Lan	Vy					4	6	Bốn Sáu	
35	22190004	Mai Đức	Anh					5	0	Năm không	
36	22190030	Đào Ngô	Hoàng					3	4	Ba bốn	
37	22190037	Trần Vĩnh	Khang					5	2	Năm hai	
38	22190038	Ngô Vũ Lê	Khoa					6	6	Sáu sáu	
39	22190039	Phạm Xuân	Khoa					6	0	Sáu không	
40	22190044	Dương Thị Phương	Linh					4	8	Bốn tám	
41	22190046	Phạm Tú	Linh					4	2	Bốn hai	
42	22190048	Nguyễn Chí	Lực					5	4	Năm bốn	
43	22190050	Nguyễn Ngọc Bình	Minh					4	8	Bốn tám	
44	22190051	Nguyễn Văn	Minh					5	2	Năm hai	
45	22190052	Nguyễn Hoài	Nam					5	2	Năm hai	
46	22190057	Vũ Ngọc Kim	Ngân					7	2	Bảy hai	
47	22190061	Trần Bùi Yến	Nhi					8	6	Tám Sáu	
48	22190065	Nguyễn Hoàng	Phúc					7	0	Bảy không	
49	22190066	Võ Thiên	Phước					5	4	Năm bốn	
50	22190069	Lê Phương	Quyên					4	2	Bốn hai	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Lê Ngô Hoa Tuấn</u> Chữ ký: <u></u> 2) <u>Ngô T. Ngọc Diệp</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: <u>Phạm Minh</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: _____ Chữ ký: _____



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001630

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22KVL**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
51	22190070	Nguyễn Thị Cẩm	Quyên					8	2	Tám hai	
52	22190072	Trần Lam	Sơn					6	8	Sáu tám	
53	22190073	Trần Trọng	Sơn					8	8		
54	22190083	Đặng Nguyễn Anh	Thư					7	2	Bảy hai	
55	22190088	Hồ Lâm Xuân	Trang								
56	22190090	Nguyễn Duy	Triết					7	6	Bảy sáu	
57	22190091	Nguyễn Duy Minh	Triết					6	2	Sáu hai	
58	22190092	Huỳnh Diệu	Trình					5	6	Năm sáu	
59	22190093	Bùi Anh	Tù					6	6	Sáu sáu	
60	22190094	Nguyễn Minh	Tù					6	6	Sáu sáu	
61	22190095	Vũ Thanh Thiên	Tù								
62	22190097	Trương Triệu	Vĩ					5	8	Năm tám	
63	22190099	Dương Tấn Bảo	Việt					7	2	Bảy hai	
64	22190101	Lê Quang	Vũ					5	6	Năm sáu	
65	22190102	Nguyễn Bảo Hoàn	Vũ					6	6	Sáu sáu	
66	22190103	Nguyễn Ngọc Tường	Vy					5	2	Năm hai	
67	22190104	Nguyễn Ngọc Tường	Vy					6	0	Sáu không	
68	22190106	Lê Thị Ngọc	Yến					5	0	Năm không	
69	22190115	Nguyễn Anh	Tuấn					8	6	Tám sáu	
70	22190117	Vũ Lương	Hoàng								
71	22200005	Võ Phi	Anh					7	4	Bảy bốn	
72	22200025	Đào Minh	Đạt					7	4	Bảy bốn	
73	22200032	Lê Huỳnh Quang	Đông								
74	22200125	Hoàng Hồng	Phúc								
75	22280039	Nguyễn Hoàng	Huy					7	6	Bảy sáu	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Ngọc Diệp</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Phạm Minh</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) <u>Nguyễn Văn Đức</u> Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001631

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22KVL**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
76	22280045	Đặng Lê	Khiêm		<i>Đặng</i>	☐		8	4	Tám bốn	
77	22280047	Nguyễn Lê Đăng	Khoa		<i>Ngô</i>	☐		8	0	Tám không	
78	22280049	Vũ Đăng	Khôi		<i>Khôi</i>	☐		8	6	Tám sáu	
79	22280050	Hứa Tuấn	Kiệt		<i>Hứa</i>	☐		9	2	Chín hai	
80	22280051	Nguyễn Văn	Kinh		<i>Ngô</i>	☐		7	2	Bảy hai	
81	22280053	Trần Đại	Lộc		<i>Lộc</i>	☐		7	6	Bảy sáu	
82	22280055	Lê Thành	Nam		<i>Van</i>	☐		8	2	Tám hai	
83	22280065	Mạc Minh	Phúc		<i>Phúc</i>	☐		8	4	Tám bốn	
84	22280073	Phùng Dũng	Quân		<i>Quân</i>	☐		7	6	Bảy sáu	
85	22280102	Trần Kiệt	Tường		<i>Trần</i>	☐		7	6	Bảy sáu	
86						☐					
87						☐					
88						☐					
89						☐					
90						☐					
91						☐					
92						☐					
93						☐					
94						☐					
95						☐					
96						☐					
97						☐					
98						☐					
99						☐					
100						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Văn Đức</i> 1) <i>Nguyễn Văn Đức</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>Lê Ngọc Hòa</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Phạm Minh</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001634

Tên học phần: **Hóa Hữu cơ**

Mã học phần: **MSC10007**

Lớp: **21CVL**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1619037	Nguyễn Tấn	Duy								
2	1719049	Phạm Hà	Giang		<i>Phạm Hà</i>			4	0	Bốn	
3	20250023	Đoàn Thiên	Anh		<i>Đoàn Thiên</i>			5	5	Năm phẩy năm	
4	20250028	Nguyễn Thanh	Hiền		<i>Nguyễn Thanh</i>			4	5	Bốn phẩy năm	
5	20250032	Trần Nguyễn Minh	Hiếu		<i>Trần Nguyễn Minh</i>			5	0	Năm	
6	20250033	Phạm Huỳnh Liên	Hương		<i>Phạm Huỳnh Liên</i>			8	0	Tám	
7	20250037	Phạm Đăng	Khoa		<i>Phạm Đăng</i>			4	0	Bốn	
8	20250051	Lê Thanh	Thảo		<i>Lê Thanh</i>			3	0	Ba	
9	20250056	Lê Phước Minh	Tri								
10	20250061	Vũ Nguyễn Yến	Vy		<i>Vũ Nguyễn Yến</i>			3	0	Ba	
11	21190144	Dương Huỳnh Chí	Thành		<i>Dương Huỳnh Chí</i>			1	0	Một	
12	21250002	Nguyễn Thị Ngọc	Phương		<i>Nguyễn Thị Ngọc</i>			4	5	Bốn phẩy năm	
13	21250011	Hồ Minh	Hưng		<i>Hồ Minh</i>			2	0	Hai	
14	21250012	Lê Thanh	Huy		<i>Lê Thanh</i>			3	0	Ba	
15	21250015	Hồng Minh	Khoa		<i>Hồng Minh</i>			9	0	Chín	
16	21250031	Lê Trần Anh	Thông		<i>Lê Trần Anh</i>			8	5	Tám phẩy năm	
17	21250040	Lê Ngọc	Tú								
18	21250042	Bùi Tuấn	Anh		<i>Bùi Tuấn</i>			5	5	Năm phẩy năm	
19	21250044	Lê Hoàng Tuấn	Anh		<i>Lê Hoàng Tuấn</i>			4	5	Bốn phẩy năm	
20	21250045	Nguyễn Thị Kiều	Anh		<i>Nguyễn Thị Kiều</i>			9	0	Chín	
21	21250046	Võ Thị Kim	Anh		<i>Võ Thị Kim</i>			4	0	Bốn	
22	21250047	Lê Tiểu	Bảo		<i>Lê Tiểu</i>			8	5	Tám phẩy năm	
23	21250048	Bùi Trần Thế	Bảo		<i>Bùi Trần Thế</i>			4	5	Bốn phẩy năm	
24	21250049	Trần Trung	Cang		<i>Trần Trung</i>			5	0	Năm	
25	21250050	Văn Huỳnh	Chi		<i>Văn Huỳnh</i>			7	5	Bảy phẩy năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Phước Hòa</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i> 2) <i>Phạm Huy Liên</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i>	Họ, tên: <i>Lê Ngọc Hà Thu</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001635

Tên học phần: **Hóa Hữu cơ**

Mã học phần: **MSC10007**

Lớp: **21CVL**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21250051	Trương Văn	Danh		<i>Văn</i>	☐		6	5	Sáu mươi năm	
27	21250052	Trần Anh	Diễn		<i>Anh</i>	☐		4	0	Bốn	
28	21250053	Nguyễn Thành	Đôn			☒					
29	21250054	Nguyễn Minh	Đức		<i>Đức</i>	☐		4	0	Bốn	
30	21250055	Lê Đức	Dũng		<i>Dũng</i>	☐		2	5	Hai mươi năm	
31	21250056	Nguyễn Trọng	Duy		<i>Trọng</i>	☐		6	0	Sáu	
32	21250057	Lưu Thị Bích	Duyên		<i>Bích</i>	☐		5	5	Năm mươi năm	
33	21250058	Lê Đặng Quỳnh	Giang		<i>Quỳnh</i>	☐		4	5	Bốn mươi năm	
34	21250059	Bùi Nhật	Hà		<i>Ngà</i>	☐		3	0	Ba	
35	21250060	Lê Hải	Hà		<i>Hải</i>	☐		2	0	Hai	
36	21250063	Nguyễn Thị Thu	Hiền		<i>Thu</i>	☐		3	5	Ba mươi năm	
37	21250064	Trần Đức	Hiếu		<i>Đức</i>	☐		1	5	Một mươi năm	
38	21250066	Nguyễn Thị Xuân	Hoa		<i>Xuân</i>	☐		3	0	Ba	
39	21250067	Nguyễn Văn Khải	Hoàn		<i>Khải</i>	☐		5	5	Năm mươi năm	
40	21250068	Nguyễn Lê Trí Phụng	Hoàng		<i>Phụng</i>	☐		9	0	Chín	
41	21250070	Nguyễn Quốc	Huy		<i>Quốc</i>	☐	1	0	0	Mười	
42	21250071	Trương Gia	Khang		<i>Gia</i>	☐		5	5	Năm mươi năm	
43	21250072	Phùng Thị Hồng	Khanh		<i>Hồng</i>	☐		4	0	Bốn	
44	21250073	Nguyễn Như Anh	Khoa		<i>Anh</i>	☐		4	0	Bốn	
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Phạm Phú Lâm</i> Chữ ký: <i>Phạm Phú Lâm</i> 2) <i>Nguyễn Phước Hòa</i> Chữ ký: <i>Nguyễn Phước Hòa</i>	Họ, tên: <i>Đ. Ngọc Hà Thụ</i> Chữ ký: <i>Đ. Ngọc Hà Thụ</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001636

Tên học phần: **Hóa Hữu cơ**Mã học phần: **MSC10007**Lớp: **21CVL**Ngày thi: **26/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	21250074	Lê Nhật Quang	Khôi					7	5	Bảy phẩy năm	
2	21250076	Nguyễn Tuấn	Kiệt					4	0	Bốn	
3	21250077	Nguyễn Thị Mỹ	Kiểu					7	5	Bảy phẩy năm	
4	21250078	Ngô Trương Nguyên	Lâm					6	0	Sáu	
5	21250079	Huỳnh Ngọc	Lập					2	0	Hai	
6	21250081	Hồ Đức	Lộc					3	5	Ba phẩy năm	
7	21250083	Nguyễn Lê Đăng	Minh					3	5	Ba phẩy năm	
8	21250084	Vũ Thị Thảo	My					6	5	Sáu phẩy năm	
9	21250086	Lê Tấn Hoàng	Nguyên					2	5	Hai phẩy năm	
10	21250087	Lê Thị Tuyết	Nhi					7	5	Bảy phẩy năm	
11	21250088	Nguyễn Hồ Yến	Nhi					6	0	Sáu	
12	21250090	Phạm Lâm	Như					9	0	Chín	
13	21250091	Tổng Quang Minh	Nhựt					4	5	Bốn phẩy năm	
14	21250092	Nguyễn Thành	Phát					5	5	Năm phẩy năm	
15	21250093	Phan Thanh	Phi					7	0	Bảy	
16	21250095	Phạm Thiên	Phúc					2	5	Hai phẩy năm	
17	21250096	Trần Cẩm	Phúc					1	5	Một phẩy năm	
18	21250097	Trần Thế	Quang					1	0	Một	
19	21250098	Lê Trần	Qui					3	5	Ba phẩy năm	
20	21250100	Nguyễn Ngọc Mai	Quyên					6	0	Sáu	
21	21250101	Nguyễn Trần Việt	Quỳnh					5	0	Năm	
22	21250102	Huỳnh Công	Thánh				1	0	0	Không	
23	21250104	Võ Thị	Thảo					9	5	Chín phẩy năm	
24	21250106	Lê Thị	Thành					6	0	Sáu	
25	21250107	Lê Duy	Thịnh								

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Quốc Nam</u> Chữ ký: <u></u> 2) <u>Nguyễn Thị Thu Huyền</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: <u>Lê Ngọc Hà Thu</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001637

Tên học phần: **Hóa Hữu cơ**

Mã học phần: **MSC10007**

Lớp: **21CVL**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phần		
26	21250109	Hoàng Học	Thy			☐		8	0	Tam	
27	21250110	Nguyễn Minh	Toàn			☐		4	5	Bốn phẩy năm	
28	21250111	Đặng Thị Huyền	Trần			☐		5	5	Năm phẩy năm	
29	21250112	Trần Thanh	Trạng			☐		4	5	Bốn phẩy năm	
30	21250113	Viên Hiền	Triết			☐		2	5	Hai phẩy năm	
31	21250116	Nguyễn Quốc	Trung			☐		3	0	Ba	
32	21250117	Lê Anh	Tuấn			☐		1	5	Một phẩy năm	
33	21250118	Nguyễn Văn	Tuấn			☐		3	0	Ba	
34	21250119	Trần Nguyễn Anh	Tuấn			☐		4	0	Bốn	
35	21250120	Trần Thanh	Tùng			☐		9	0	Chín	
36	21250121	Nguyễn Ngọc	Tuyền			☐		7	0	Sảy	
37	21250122	Triệu Huy	Văn			☐		4	0	Bốn	
38	21250123	Nguyễn Thành	Vinh			☐		1	5	Một phẩy năm	
39	21250124	Phan Hà Anh	Vũ			☐		3	0	Ba	
40	21250125	Bùi Nguyễn Khương	Vy			☐	1	0	0	Mười	
41	21250126	Nguyễn Thị Tường	Vy			☐		4	5	Bốn phẩy năm	
42	21250127	Lê Thanh	Xuân			☒					
43	21250130	Nguyễn Thiên	Ý			☐		5	5	Năm phẩy năm	
44	21250131	Nguyễn Thị Hồng	Gấm			☐		1	0	Một	
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Ng. Thị Quý Nam</u> Chữ ký: <u></u> 2) <u>Nguyễn Thị Thu Huyền</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: <u>Lê Ngọc Hồ Thu</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001642

Tên học phần: **Hóa Hữu cơ**

Mã học phần: **MSC10007**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V á n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1719117	Nguyễn Thị Tuyết	Minh								
2	1719222	Hà Ngọc	Trương					3	0	Ba	
3	18190007	Trần Nguyễn Nguyên	An					2	5	Hai phẩy năm	
4	18190025	Trần Sử Đình	Bá					1	0	Một	
5	18190134	Trần Nguyễn Hoàng	Phương								
6	19190004	Huỳnh Hà Ngọc	Duy					8	0	Tám	
7	19190066	Hồ Quảng	Luân					1	0	Một	
8	19190072	Lê Hoàng	Minh					2	0	Hai	
9	19190077	Nguyễn Thị Trịnh	Nghi					4	5	Bốn phẩy năm	
10	19190090	Hạ Phan Phương Hoàng	Oanh					1	5	Một phẩy năm	
11	19190114	Nguyễn Hoàng Nhật	Thảo					3	5	Ba phẩy năm	
12	19190126	Nguyễn Thị Việt	Trinh					8	5	Tám phẩy năm	
13	19190129	Dương Minh	Trung					5	5	Năm phẩy năm	
14	19190133	Lê Thị Kiều	Vân					3	0	Ba	
15	19190134	Lê Thị Thanh	Vân					4	0	Bốn	
16	19190136	Nguyễn Huỳnh	Vũ					4	5	Bốn phẩy năm	
17	19190139	Lê Huỳnh Hải	Yến					6	0	Sáu	
18	19190142	Trần Thị Thúy	Ái					2	0	Hai	
19	19190150	Cao Thị Thanh	Bình					4	0	Bốn	
20	19190152	Nguyễn Thành	Công					5	0	Năm	
21	19190178	Bùi Quang Vũ	Huy					3	0	Ba	
22	19190183	Nguyễn Ngọc Phương	Khanh					4	5	Bốn phẩy năm	
23	19190186	Lê Nguyễn Phúc	Khiêm					3	0	Ba	
24	19190188	Phạm Đăng	Khoa					8	0	Tám	
25	19190193	Nguyễn Tường	Linh					2	0	Hai	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Phạm Thu Tuấn Kiệt</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) <u>Đỗ Nguyễn Thu Tôn</u> Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001643

Tên học phần: **Hóa Hữu cơ**

Mã học phần: **MSC10007**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V à n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	19190198	Lê Diệu Phương	Mai					4	0	Bốn	
27	19190210	Trương Thị Bảo	Ngọc					1	0	Một	
28	19190215	Nguyễn Bảo	Như					5	0	Năm	
29	19190229	Nguyễn Phương	Quỳnh					3	0	Ba	
30	19190231	Hà Văn	Tài					1	5	Một phẩy năm	
31	19190234	Bùi Nguyễn Đức	Thắng					5	5	Năm phẩy năm	
32	19190241	Trương Thương	Thương					5	0	Năm	
33	19190247	Nguyễn Cao	Trí					8	0	Tám	
34	19190254	Lưu Thanh	Tú					4	5	Bốn phẩy năm	
35	19190255	Nguyễn Anh	Tú					3	0	Ba	
36	19190258	Nguyễn Đắc Thanh	Tùng					2	5	Hai phẩy năm	
37	20190004	Nguyễn Thế	Hiếu					2	0	Hai	
38	20190015	Nguyễn Ngọc Thanh	Nhã					5	0	Ba	
39	20190019	Phạm Chí	Tài					4	5	Bốn phẩy năm	
40	20190020	Cô Vĩnh	Thiên					4	0	Bốn	
41	20190023	Hồ Thị Mỹ	Tiên					5	5	Năm phẩy năm	
42	20190025	Lê Thanh	Tuyền					5	0	Năm	
43	20190032	Nguyễn Văn	An					3	5	Ba phẩy năm	
44	20190037	Lê Thu	Cầm					3	0	Ba	
45	20190041	Phạm Quang	Duy					3	0	Ba	
46	20190042	Quách Hữu	Duy					5	0	Năm	
47	20190045	Nguyễn Huỳnh	Giang					2	0	Hai	
48	20190046	Nông Thụy Bằng	Giang					2	0	Hai	
49	20190050	Nguyễn Thu	Hằng					5	0	Ba	
50	20190059	Quản Đăng	Khoa					3	0	Ba	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Đỗ Nguyễn Thị Trâm</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) <u>Phạm Thị Xuân Kiều</u> Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001644

Tên học phần: **Hóa Hữu cơ**

Mã học phần: **MSC10007**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	20190060	Nguyễn Trung	Kiên			☐	7	5		Bảy phẩy năm	
52	20190061	Trần Quang Tuấn	Kiệt			☐	5	5		Năm phẩy năm	
53						☐					
54						☐					
55						☐					
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Phạm Phú Tuấn Kiệt</u> Chữ ký: <u></u> 2) <u>Đỗ Nguyễn Thu Tâm</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001638

Tên học phần: **Hóa Hữu cơ**Mã học phần: **MSC10007**Lớp: **21KVL**Ngày thi: **26/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	20190066	Võ Ngọc Thùy	Linh			☐	2	5		Hai phẩy năm	
2	20190073	Huỳnh Nguyễn Trung	Nghĩa			☐	0	5		không phẩy năm	
3	20190081	Nguyễn Văn	Pháp			☐	1	5		Một phẩy năm	
4	20190082	Nguyễn Tấn	Phát			☐	0	5		không phẩy năm	
5	20190084	Trần Thuận	Phát			☐	5	5		năm phẩy năm	
6	20190086	Lê Đức	Phúc			☐	2	0		Hai	
7	20190089	Vũ Lê Uyên	Phương			☐	3	5		Ba phẩy năm	
8	20190091	Nguyễn Minh	Quân			☐	2	0		Hai	
9	20190096	Nguyễn Thành	Tá			☐	5	5		Năm phẩy năm	
10	20190098	Nguyễn Hoàng	Thái			☐	2	5		Hai phẩy năm	
11	20190103	Nguyễn Hoàng	Thông			☐	2	0		Hai	
12	20190111	Võ Thị	Trình			☐	5	0		Năm	
13	20190112	Nguyễn Lâm	Trương			☐	0	5		không phẩy năm	
14	20190123	Trương Thúy	Vy			☐	5	0		Năm	
15	21190008	Nguyễn Việt	Dũng			☐	3	0		Ba	
16	21190018	Tạ Quang	Huy			☒					
17	21190028	Cao Đăng	Nhân			☐	2	0		Hai	
18	21190031	Trần Anh	Quang			☐	0	5		không phẩy năm	
19	21190038	Trần Đình	Tiến			☒					
20	21190039	Huỳnh Minh	Tuấn			☐	2	5		Hai phẩy năm	
21	21190045	Hà Nguyễn Nhất	Tâm			☐	8	0		Tám	
22	21190049	Phạm Thanh Hoàng	Anh			☐	2	0		Hai	
23	21190050	Tạ Tuấn	Anh			☐	5	0		Năm	
24	21190051	Trần Thúy	Anh			☐	4	0		Bốn	
25	21190052	Võ Minh	Anh			☐	2	5		Hai phẩy năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Trần Quang Minh</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Lê Ngọc Hà Thu</u>	Họ, tên:
2) <u>Nguyễn Văn Ngọc</u> Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001639

Tên học phần: **Hóa Hữu cơ**

Mã học phần: **MSC10007**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	21190055	Võ Ngọc	Có			☐		1	C	Một	
27	21190056	Ngô Thị Ngân	Đài			☐		3	5	Ba phần trăm	
28	21190057	Bùi Tấn	Đạt			☐		8	C	Tám	
29	21190058	Nguyễn Tùng	Dương			☐		1	C	Một	
30	21190060	Trần Anh	Duy			☐		0	5	Không phải năm	
31	21190061	Trần Nhật	Duy			☐		8	C	Tám	
32	21190062	Lâm Nữ Phi	Duyên			☐		3	C	Ba	
33	21190063	Lâm Thanh	Giàu			☐		2	5	Hai phần trăm	
34	21190064	Trà Phạm Thanh	Hải			☐		1	C	Một	
35	21190067	Lưu Văn	Hào			☐		5	0	Năm	
36	21190068	Đặng Minh	Hiếu			☐		3	5	Ba phần trăm	
37	21190071	Phạm Thanh	Hoa			☐		8	C	Tám	
38	21190073	Nguyễn Công	Hưng			☐		2	5	Hai phần trăm	
39	21190074	Hoàng Văn	Huy			☐		1	5	Một phần trăm	
40	21190075	Nguyễn Anh	Huy			☐		1	C	Một	
41	21190078	Nguyễn Quốc	Huy			☐		5	5	Năm phần trăm	
42	21190081	Vũ Quốc	Huy			☐		0	5	Không phải năm	
43	21190083	Lê Thị Khánh	Huyền			☐		4	0	Bốn	
44	21190086	Trần Quang	Khánh			☐		3	5	Ba phần trăm	
45	21190087	Trần Minh	Khôi			☐		1	5	Một phần trăm	
46	21190088	Lê Tấn	Khương			☐		2	0	Hai	
47	21190091	Trần Tuấn	Kiệt			☐		3	C	Ba	
48	21190092	Trần Văn	Lâm			☐		1	5	Một phần trăm	
49	21190093	Lê Văn	Lên			☐		1	0	Một	
50	21190094	Lê Văn	Linh			☐		2	0	Hai	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Văn Ngọc... Chữ ký:	Họ, tên: Lê Ngọc Hà Thu... Chữ ký:	Họ, tên: ... Chữ ký: ...
2) Trần Quang Minh... Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001640

Tên học phần: **Hóa Hữu cơ**Mã học phần: **MSC10007**Lớp: **21KVL**Ngày thi: **26/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	21190096	Thành Nữ Thùy	Linh		<i>Linh</i>		3	0		Ba	
2	21190098	Lê Tấn	Lộc		<i>Lộc</i>		1	0		Một	
3	21190099	Lê Thị Ngọc	Ly		<i>ngly</i>		1	0		Một	
4	21190100	Nguyễn Trần Cẩm	Ly		<i>ly</i>		0	5		không phải năm	
5	21190101	Hoàng Thụy Xuân	Mai		<i>mai</i>		4	0		Bốn	
6	21190102	Lê Hải	Minh		<i>leu</i>		3	5		Ba phẩy năm	
7	21190103	Tổng Thị Nguyệt	Minh		<i>ninh</i>		5	0		Năm	
8	21190105	Đoàn Thị Kim	Ngân		<i>ng</i>		7	0		Bảy	
9	21190107	Nguyễn Thị Ngọc Kiều	Ngân		<i>ngan</i>		5	0		Năm	
10	21190108	Thanh Thị Kim	Ngân		<i>th</i>		2	0		Hai	
11	21190109	Bùi Đức	Nghi		<i>hi</i>		1	5		Một phẩy năm	
12	21190114	Nguyễn Thành	Nhân		<i>nhân</i>		4	5		Bốn phẩy năm	
13	21190115	Đào Lưu Trung	Nhật		<i>nt</i>		0	5		không phải năm	
14	21190117	Huỳnh Nguyễn Đan	Nhi		<i>ng</i>		4	0		Bốn	
15	21190118	Lê Thị Yến	Nhi		<i>ly</i>		4	5		Bốn phẩy năm	
16	21190119	Lê Võ Yến	Nhi		<i>nh</i>		5	0		Năm	
17	21190120	Nguyễn Thanh	Nhi		<i>th</i>		2	5		Hai phẩy năm	
18	21190121	Trương Ngọc	Nhi		<i>nh</i>		1	0		Một	
19	21190122	Ngô Thị Huỳnh	Như		<i>th</i>		2	5		Hai phẩy năm	
20	21190123	Trần Thị Hồng	Nhung		<i>th</i>		3	0		Ba	
21	21190124	Huỳnh Minh	Phát		<i>phat</i>		1	0		Một	
22	21190125	Nguyễn Văn Tấn	Phát		<i>phat</i>		0	5		không phải năm	
23	21190127	Nguyễn Tuấn	Phong		<i>phong</i>		9	0		Chín	
24	21190128	Châu Diệc	Phú		<i>phu</i>		1	0		Một	
25	21190129	Nguyễn Thái	Phúc		<i>phuc</i>		2	5		Hai phẩy năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1)..... 2).....	Họ, tên:	Họ, tên:
Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001641

Tên học phần: **Hóa Hữu cơ**

Mã học phần: **MSC10007**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21190130	Trương Thị Mỹ	Phúc			☐		2	5	Hai mươi năm	
27	21190131	Nguyễn Hoàng Minh	Phương			☐		6	0	Sáu	
28	21190134	Trần Thiện	Quang			☐		1	0	Một	
29	21190135	Trần Hoàng Minh	Quy			☐		4	5	Chín mươi năm	
30	21190136	Trần Mỹ	Quy			☐		1	5	Một mươi năm	
31	21190138	Nguyễn Thành	Tài			☐		2	0	Hai	
32	21190140	Lê Thanh	Tam			☐		8	5	Tám mươi năm	
33	21190141	Lê Mỹ	Tâm			☐		1	5	Một mươi năm	
34	21190142	Đặng Duy	Thạch			☐		4	5	Bốn mươi năm	
35	21190143	Trần Đăng	Thái			☐		0	0	Không	
36	21190145	Lương Quốc	Thiện			☐		3	0	Ba	
37	21190146	Hồ Phong Hoàng	Thịnh			☐		0	0	Không	
38	21190147	Nguyễn Thị Kim	Thoa			☐		4	0	Bốn	
39	21190150	Nguyễn Vũ Minh	Thúy			☐		3	0	Ba	
40	21190151	Hồ Hoàng	Thy			☐		2	0	Hai	
41	21190155	Nguyễn Bảo	Trân			☐		4	0	Bốn	
42	21190156	Đặng Minh	Trí			☐		2	0	Hai	
43	21190157	Nguyễn Nhật	Triều			☐		3	5	Ba mươi năm	
44	21190159	Nguyễn Viết	Trung			☐		3	0	Ba	
45	21190160	Phạm Nguyễn Tín	Trung			☐		1	5	Một mươi năm	
46	21190161	Nguyễn Thị Cẩm	Tú			☐		2	0	Hai	
47	21190162	Nguyễn Văn	Tuấn			☐		3	0	Ba	
48	21190164	Phạm Thị Tường	Vân			☐		2	5	Hai mươi năm	
49	21190165	Đào Quốc	Việt			☐		2	5	Hai mươi năm	
50	21190166	Phan Nguyễn Tiến	Vũ			☐		0	0	Không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Chánh Thị Ngọc</u> 1).....Chữ ký: 2) <u>Đặng Thị Chung Thu</u>Chữ ký:	Họ, tên: <u>Lê Ngọc Hà Thu</u>Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001399

Tên học phần: **Vật lý màng mỏng**

Mã học phần: **MSC10105**

Lớp: **20MM**

Ngày thi: **24/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	20190056	Vũ Đức Hoàng	Khải		<i>Kh</i>	☐		0	0	Không	
27	20190059	Quản Đăng	Khoa		<i>Qu</i>	☐		4	5	Bốn mươi	
28	20190060	Nguyễn Trung	Kiên		<i>Ng</i>	☐		2	5	Hai mươi	
29	20190061	Trần Quang Tuấn	Kiệt		<i>Tr</i>	☐		4	5	Bốn mươi	
30	20190062	Trần Thị Thiên	Kim		<i>Tr</i>	☐		5	0	Năm	
31	20190063	Đặng Thị Ai	Lel			☒					
32	20190064	Huỳnh Hoàng	Liên		<i>Hu</i>	☐		5	0	Năm	
33	20190065	Nguyễn Hồng	Liên		<i>Ng</i>	☐		0	0	Không	
34	20190068	Lương Công	Minh		<i>L</i>	☐		3	0	Ba	
35	20190071	Trần Thị Thu	Ngân		<i>Tr</i>	☐		9	5	Chín mươi	
36	20190075	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt		<i>Ng</i>	☐		2	5	Hai mươi	
37	20190082	Nguyễn Tấn	Phát		<i>Ng</i>	☐		4	0	Bốn	
38	20190084	Trần Thuận	Phát		<i>Tr</i>	☐		4	0	Bốn	
39	20190088	Trần Nguyễn Duy	Phúc		<i>Tr</i>	☐		0	0	Không	
40	20190089	Vũ Lê Uyên	Phương		<i>V</i>	☐		2	5	Hai mươi	
41	20190091	Nguyễn Minh	Quân		<i>Ng</i>	☐		3	0	Ba	
42	20190093	Nguyễn Tú	Quyên		<i>Ng</i>	☐		6	5	Sáu mươi	
43	20190095	Bạch Thanh	Sơn		<i>B</i>	☐		2	0	Hai	
44	20190096	Nguyễn Thành	Tá		<i>Ng</i>	☐		8	5	Tám mươi	
45	20190098	Nguyễn Hoàng	Thái		<i>Ng</i>	☐		7	5	Bảy mươi	
46	20190108	Nguyễn Trọng	Toàn		<i>Ng</i>	☐		5	0	Năm	
47	20190112	Nguyễn Lâm	Trương		<i>Ng</i>	☐		0	0	Không	
48	20190115	Kha Khôi	Vĩ		<i>K</i>	☐		0	5	Không	
49	20190123	Trương Thúy	Vy		<i>Tr</i>	☐		3	0	Ba	
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Tiến Anh</i> Chữ ký: <i>Ng</i> 2) <i>Nguyễn Thị Ánh</i> Chữ ký: <i>Ng</i>	Họ, tên: <i>Phạm Kim Ngọc</i> Chữ ký: <i>Ph</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



22232001398

Tên học phần: **Vật lý màng mỏng**Mã học phần: **MSC10105**Lớp: **20MM**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	19190123	Lê Phạm Quốc	Toàn		<i>Qu</i>	☐		4	0	Bốn	
2	19190126	Nguyễn Thị Việt	Trinh		<i>Trinh</i>	☐		7	0	Bảy	
3	19190136	Nguyễn Huỳnh	Vũ		<i>Nh</i>	☐		6	0	Sáu	
4	19190147	Phạm Thị	Bằng		<i>Bằng</i>	☐		8	0	Tám	
5	19190151	Huỳnh Ngọc	Công		<i>Ng</i>	☐		8	0	Tám	
6	19190152	Nguyễn Thành	Công		<i>Công</i>	☐		3	0	Ba	
7	19190175	Lại Lê	Hương		<i>L</i>	☐		3	0	Ba	
8	19190198	Lê Diệu Phương	Mai		<i>M</i>	☐		3	0	Ba	
9	19190202	Nguyễn Trần Thảo	My		<i>Th</i>	☐		7	5	Bảy rưỡi	
10	19190230	Lê Văn Hoàng	Son		<i>SV</i>	☐		3	0	Ba	
11	19190234	Bùi Nguyễn Đức	Thắng		<i>B</i>	☐		4	0	Bốn	
12	19190244	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm		<i>Trâm</i>	☐		6	5	Sáu rưỡi	
13	20190004	Nguyễn Thế	Hiếu		<i>Th</i>	☐		1	0	Một	
14	20190006	H' Úc Niê	Kdâm		<i>U</i>	☐		3	5	Ba rưỡi	
15	20190015	Nguyễn Ngọc Thanh	Nhã		<i>Nh</i>	☐		1	5	Một rưỡi	
16	20190019	Phạm Chí	Tài		<i>Ph</i>	☐		6	5	Sáu rưỡi	
17	20190020	Cô Vịnh	Thiên		<i>C</i>	☐		2	0	Hai	
18	20190025	Lê Thanh	Tuyển		<i>T</i>	☐		2	5	Hai rưỡi	
19	20190032	Nguyễn Văn	An		<i>N</i>	☐		0	5	không rưỡi	
20	20190034	Phạm Hoàng Phương	Anh		<i>Ph</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
21	20190041	Phạm Quang	Duy		<i>Ph</i>	☐		5	0	Năm	
22	20190042	Quách Hữu	Duy		<i>Q</i>	☐		3	5	Ba rưỡi	
23	20190044	Lê Hồng	Gấm		<i>L</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
24	20190053	Nguyễn Hoàng	Huy		<i>N</i>	☐		2	5	Hai rưỡi	
25	20190055	Hoàng Lê Diễm	Huyền		<i>H</i>	☐		2	5	Hai rưỡi	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Tiến An</i> Chữ ký: <i>NA</i> 2) <i>Ng T. Tuyết Anh</i> Chữ ký: <i>NTA</i>	Họ, tên: <i>Phạm Kim Ngọc</i> Chữ ký: <i>PKN</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001099

Tên học phần: **Vi tích phân 2B**

Mã học phần: **MTH00004**

Lớp: **22CTT5**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phần		
1	19120601	Phạm Xuân	Nghĩa								
2	20130136	Nguyễn Khắc Đặng	Triều								
3	20130148	Lê Thanh	Vũ								
4	20200385	Nguyễn Huỳnh Nhựt	Trường					1	5	một năm	
5	21120062	Trần Lê Giang	Hà								
6	21120277	Nguyễn Trọng	Khôi					6	0	sáu không	
7	22120266	Phạm Trần Thanh	Phong					8	5	tám năm	
8	22120267	Đặng Hữu	Phú					9	5	chín năm	
9	22120268	Nguyễn Đình	Phú				1	0	0	mười	
10	22120269	Nguyễn Hoài	Phú				1	0	0	mười	
11	22120270	Bùi Hồng	Phúc				1	0	0	mười	
12	22120271	Dương Hoàng Hồng	Phúc				1	0	0	mười	
13	22120272	Hà Gia	Phúc				1	0	0	mười	
14	22120276	Nguyễn Lê Anh	Phúc				1	0	0	mười	
15	22120277	Nguyễn Văn	Phúc				1	0	0	mười	
16	22120278	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc				1	0	0	mười	
17	22120279	Phạm Tài	Phúc				1	0	0	mười	
18	22120280	Phan Hồng	Phúc				1	0	0	mười	
19	22120284	Dương Kim	Phụng				1	0	0	mười	
20	22120285	Nguyễn Văn	Phước					8	5	tám năm	
21	22120286	Lê Võ Minh	Phương				1	0	0	mười	
22	22120287	Nguyễn Mạnh	Phương				1	0	0	mười	
23	22120288	Đỗ Thị Kim	Phượng				1	0	0	mười	
24	22120289	Hồ Ngọc Trung	Quân				1	0	0	mười	
25	22120290	Lê Minh	Quân				1	0	0	mười	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001100

Tên học phần: **Vi tích phân 2B**Mã học phần: **MTH00004**Lớp: **22CTT5**Ngày thi: **04/05/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	22120292	Nguyễn Hải	Quân		<i>Quân</i>	☐	1	0	0	mười	
27	22120293	Võ Hoàng Anh	Quân		<i>Quân</i>	☐	1	0	0	mười	
28	22120294	Cao Minh	Quang		<i>Quang</i>	☐		9	5	chín năm	
29	22120295	Hồ Minh	Quang		<i>Quang</i>	☐	1	0	0	mười	
30	22120296	Lê Văn	Quang		<i>Quang</i>	☐	1	0	0	mười	
31	22120299	Võ Quốc	Quang		<i>Quốc</i>	☐		9	5	chín năm	
32	22120300	Nguyễn Tiến	Quốc		<i>Quốc</i>	☐	1	0	0	mười	
33	22120301	Nguyễn Trung	Quốc		<i>Quốc</i>	☐	1	0	0	mười	
34	22120302	Đặng	Quý		<i>Quý</i>	☐	1	0	0	mười	
35	22120303	Mai Xuân	Quý		<i>Quý</i>	☐	1	0	0	mười	
36	22120304	Nguyễn Thị Kim	Quý		<i>Kim</i>	☐		9	5	chín năm	
37	22120306	Trần Doãn Thanh	Quý		<i>Thanh</i>	☐		8	5	tám năm	
38	22120307	Lê Quang Vinh	Quyển		<i>Vinh</i>	☐	1	0	0	mười	
39	22120308	Nguyễn Trịnh Xuân	Quỳnh		<i>Quỳnh</i>	☐	1	0	0	mười	
40	22120309	Hồ Quang	Sang		<i>Sang</i>	☐	1	0	0	mười	
41	22120311	Lê Hoàng	Son		<i>Son</i>	☐		4	5	bốn năm	
42	22120312	Nguyễn Ngọc	Son		<i>Son</i>	☐	1	0	0	mười	
43	22120314	Lê Tiến	Tài		<i>Tài</i>	☐	1	0	0	mười	
44	22120315	Nguyễn Văn	Tài		<i>Tài</i>	☐	1	0	0	mười	
45	22120316	Phan Văn	Tài		<i>Tài</i>	☐	1	0	0	mười	
46	22120317	Trần Đại	Tài		<i>Tài</i>	☐		9	5	chín năm	
47	22120318	Trần Hữu	Tài		<i>Tài</i>	☐		9	0	chín không	
48	22120319	Võ Tuấn	Tài		<i>Tài</i>	☐	1	0	0	mười	
49	22120321	Nguyễn Minh	Tâm		<i>Tâm</i>	☐	1	0	0	mười	
50	22120323	Trần Minh	Tâm		<i>Tâm</i>	☐	1	0	0	mười	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Phạm Thị Hà</i> Chữ ký: <i>Phạm Thị Hà</i> 2) <i>Lê Thị Hoàng</i> Chữ ký: <i>Lê Thị Hoàng</i>	Họ, tên: <i>Lê Đức Hùng</i> Chữ ký: <i>Lê Đức Hùng</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001101

Tên học phần: **Vi tích phân 2B**

Mã học phần: **MTH00004**

Lớp: **22CTT5**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phần		
51	22120324	Võ Thành	Tâm		<i>Tâm</i>	☐	1	0	0	mười	
52	22120325	Nguyễn Nhật	Tân		<i>Tân</i>	☐	1	0	0	mười	
53	22120326	Nguyễn Trường	Tân			☒					
54	22120328	Trần Nhật	Tân		<i>nhattan</i>	☐	1	0	0	mười	
55	22120329	Hoàng Ngọc	Thạch		<i>Ng</i>	☐	1	0	0	mười	
56	22120330	Nguyễn Thanh	Thái		<i>Thao</i>	☐		9	5	chín năm	
57	22120331	Long Văn	Thắng		<i>Thong</i>	☐		9	5	chín năm	
58	22120334	Nguyễn Quang	Thắng		<i>Ng</i>	☐	1	0	0	mười	
59	22120335	Trương Tâm	Thành		<i>T</i>	☐	1	0	0	mười	
60	22120336	Võ Tuấn	Thành		<i>Tuân</i>	☐	1	0	0	mười	
61	22120337	Lương Thị Diệu	Thảo		<i>Phu</i>	☐		9	5	chín năm	
62	22120338	Đỗ Hạnh	Thảo		<i>H</i>	☐	1	0	0	mười	
63	22120339	Nguyễn Thị Anh	Thị			☒					
64	22120341	Nguyễn Minh	Thiện		<i>Thien</i>	☐	1	0	0	mười	
65	22120343	Đinh Đức	Thiện		<i>Đ</i>	☐	1	0	0	mười	
66	22120344	Nguyễn Minh	Thiện		<i>Minh</i>	☐	1	0	0	mười	
67	22120345	Võ Khắc	Thiện		<i>Thien</i>	☐		9	0	chín không	
68	22120347	Nguyễn Quốc	Thịnh		<i>Q</i>	☐	1	0	0	mười	
69	22120348	Trần Đức	Thịnh		<i>T</i>	☐	1	0	0	mười	
70	22120349	Thị Kiều	Thơ		<i>K</i>	☐		8	5	tám năm	
71	22120351	Vũ Thị Kim	Thoa		<i>U</i>	☐		9	0	chín không	
72	22120352	Phạm Nguyễn Quang	Thoại		<i>Ph</i>	☐	1	0	0	mười	
73	22120353	Nguyễn Quang	Thông		<i>Quang</i>	☐	1	0	0	mười	
74	22120354	Nguyễn Lê Anh	Thư		<i>A</i>	☐	1	0	0	mười	
75	22120356	Trần Hoàng Minh	Thư		<i>T</i>	☐	1	0	0	mười	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Phạm Thị Hải</i> Chữ ký: <i>Phu</i> 2) <i>Phạm Thị Hải</i> Chữ ký: <i>Phu</i>	Họ, tên: <i>Lê Đức Hùng</i> Chữ ký: <i>mmr</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001102

Tên học phần: **Vi tích phân 2B**

Mã học phần: **MTH00004**

Lớp: **22CTT5**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phần		
76	22120358	Phạm Chí	Thuần		<i>Thuần</i>	☐	1	0	0	mười	
77	22120359	Đoàn Minh	Thuận		<i>Đoàn Minh</i>	☐		9	5	chín năm	
78	22120360	Lê Phúc	Thuận		<i>Thuận</i>	☐	1	0	0	mười	
79	22120361	Trần Quang	Thuận		<i>Trần Quang</i>	☐	1	0	0	mười	
80	22120362	Đỗ Hữu	Thức		<i>Đỗ Hữu</i>	☐	1	0	0	mười	
81						☐					
82						☐					
83						☐					
84						☐					
85						☐					
86						☐					
87						☐					
88						☐					
89						☐					
90						☐					
91						☐					
92						☐					
93						☐					
94						☐					
95						☐					
96						☐					
97						☐					
98						☐					
99						☐					
100						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Lê Thị Thuận</i> Chữ ký: <i>Lê Thị Thuận</i> 2) <i>Phạm Thị K.</i> Chữ ký: <i>Phạm Thị K.</i>	Họ, tên: <i>Lê Đức Hùng</i> Chữ ký: <i>Lê Đức Hùng</i>	Họ, tên: Chữ ký: